

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-ST
Ngày: 18-12-2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà
2. Bà Lê Thị Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Giáp Thị Thu Ly là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:* Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXX ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng; địa chỉ: 67-67A đường B, phường 02, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện: ông Nguyễn Ngọc V – Chức vụ giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Vũ Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: địa chỉ: 67-67A đường B, phường 02, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện: ông Nguyễn Ngọc V – Chức vụ giám đốc (*Theo văn bản ủy quyền ngày 12-11-2018*)

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Đinh Đắc T, bà Phạm Thị L; địa chỉ: thôn 4, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: vợ chồng ông Nguyễn Danh H, bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Danh H tham gia tố tụng (*Theo văn bản ủy quyền ngày 12-11-2018*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng trình bày:

Do có nhu cầu về vốn, ngày 07-8-2015 vợ chồng ông Đinh Đắc T, bà Phạm Thị L có ký kết Hợp đồng vay vốn R.0057/1215 ngày 07-8-2015 để vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng (*Sau đây viết tắt là Ngân hàng Đ*) số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 7-8-2015, về lãi suất: thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất nợ trong hạn; trong đó phương thức trả nợ gốc được chia thành hai kỳ, mỗi kỳ là 40.000.000 đồng, trong đó ngày trả nợ gốc đầu tiên là 7-8-2016, mục đích vay để phục vụ sản xuất. Sau khi ký kết Hợp đồng vay vốn nêu trên, Ngân hàng Đ đã giải ngân số tiền 80.000.000 đồng cho vợ chồng ông T, bà L theo giấy nhận nợ ngày 07-8-2015. Để đảm bảo cho Hợp đồng vay vợ chồng ông T, bà L đã ký kết Hợp đồng thế chấp số N0834/HĐTC để thế chấp diện tích đất 5.567m² thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 09, xã H, huyện D để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định về pháp luật đất đai.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng ông T, bà L mới đóng lãi đến ngày 15-4-2016 với số tiền 6.150.000 đồng, đến hạn trả nợ gốc ngày 07-8-2016 vợ chồng ông T, bà L không thanh toán theo thỏa thuận, sự việc này là vi phạm hợp đồng vay. Do đó, Ngân hàng Đ khởi kiện buộc vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 15-4-2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án, tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số N0834/HĐTC ngày 05-8-2015 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh là bản sao y có công chứng các Văn bản, tài liệu gồm: Hợp đồng tín dụng số: T 0392/HĐTD ngày 05-7-2015; Hợp đồng vay vốn trung hạn số: R.0057/1215 ngày 07-8-2015; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 07-8-2015; Hợp đồng thế chấp bất động sản số: N0834/HĐTC ngày 07-8-2015; Giấy nhận nợ ngày 07-8-2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn vợ chồng ông T, bà L nhưng sau thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án thì vợ chồng ông T, bà L không có ý kiến

phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh nào để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25-10-2018 và ngày 12-11-2018, đồng thời tổng đạt hợp lệ cho vợ chồng ông T, bà L các thông báo phiên họp để vợ chồng ông T, bà L biết đến Tòa án tham gia họp và hòa giải nhưng vợ chồng ông T, bà L đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đối với việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo về kết quả cho vợ chồng ông T, bà L nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: không xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Danh H, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị D có quan hệ họ hàng với bị đơn bà Phạm Thị L. Do bà Phạm Thị L bị bệnh nặng nên khoảng tháng 01/2017 vợ chồng ông T, bà L có giao cho vợ chồng ông, bà tạm thời canh tác, quản lý diện tích đất 5.567m² thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 09, xã H, huyện D thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông T, bà L; việc bàn giao chỉ bằng miệng với nhau mà không có giấy tờ gì khác. Nay, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà L có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay vốn thì vợ chồng ông, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng đối với việc hiện nay vợ chồng ông, bà đang là người tạm thời quản lý diện tích đất 5.567m² thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 09, xã H, huyện D mà vợ chồng ông T, bà L đã thế chấp cho Ngân hàng Đ theo Hợp đồng số N0834/HĐTC ngày 05-8-2015 để vay vốn thì sau này nếu Ngân hàng tiến hành các biện pháp xử lý tài sản này để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông, bà đồng ý bàn giao, không có tranh chấp.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: không xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu tính lãi suất. Xác định vào ngày 30-7-2018 bà Nguyễn Thị D đã đứng ra trả nợ thay cho vợ chồng ông T, bà L được 5.000.000 đồng trên số tiền 80.000.000 đồng nợ gốc, vì vậy Ngân hàng Đ chỉ yêu cầu vợ chồng ông T, bà L có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc là 75.000.000 đồng, về lãi suất yêu cầu tính lãi cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn của số tiền vay 80.000.000 đồng với mức 11%/năm kể từ ngày 15-4-2018 đến ngày 7-8-2016 với số tiền là 7.270.000 đồng; Lãi suất quá hạn chia làm 02 phần: đối với số tiền 40.000.000 đồng (*hạn 7-8-2016 phải thanh*

toán) áp dụng lãi suất mức 16,5%/năm kể từ ngày 7-8-2016 đến ngày xét xử 18-12-2018 với số tiền: 13.218.833 đồng; đối với số tiền 40.000.000 đồng (*hạn đến 7-8-2017 phải thanh toán*) áp dụng lãi suất mức 16,5%/năm kể từ ngày 7-8-2017 đến ngày 30-7-2018 là 9.130.000 đồng, tiếp tục tính lãi quá hạn của khoản tiền 35.000.000 đồng kể từ ngày 30-7-2018 đến ngày xét xử 18-12-2018 là 2.261.875 đồng; tổng tiền lãi suất ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T, bà L yêu cầu là 31.880.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi Ngân hàng Đ đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là 106.880.000 đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn vợ chồng ông T, bà L chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp, hòa giải và không tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, buộc vợ chồng ông T, bà L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ số tiền gốc và lãi là 106.880.000 đồng; tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: N0834/HĐTC ngày 07-8-2015 giữa vợ chồng ông T, bà L và Ngân hàng Đ để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ; về án phí: vợ chồng ông T, bà L phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vợ chồng ông T, bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông H, bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về địa chỉ của người bị kiện vợ chồng ông T, bà L: Theo đơn khởi kiện, ngân hàng Đ ghi địa chỉ của vợ chồng ông T, bà L tại thôn 4, xã H, huyện Di Linh, địa chỉ này phù hợp với Hợp đồng vốn được ký kết giữa Ngân hàng Đông Á và vợ chồng ông T, bà L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho vợ chồng ông T, bà L theo địa chỉ trên nhưng không tổng đạt được. Qua xác minh thì vợ chồng ông T bà L không còn ở tại địa chỉ trên, khi đi không thông báo cho chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới (*Bút lục 65*). Ngân

hàng Đ không được vợ chồng ông T, bà L thông báo về nơi cư trú mới, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 trường hợp này được coi là vợ chồng ông T, bà L cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Xác định địa chỉ của vợ chồng ông T, bà L ở tại thôn 4, xã H, huyện D để làm căn cứ cấp, tổng đạt, thông báo các Văn bản tố tụng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ vợ chồng ông T, bà L đến Tòa án làm việc, Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng ông T, bà L thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình cũng như trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ nhưng vợ chồng ông T, bà L đều không có ý kiến trình bày liên quan đến nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ và vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Đ xuất trình, chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Theo Hợp đồng vay vốn số T 0392/HĐTD ngày 07-8-2015 và giấy nhận nợ ngày 7-8-2015 thể hiện vợ chồng ông T, bà L có vay Ngân hàng Đ số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày vay 7-8-2015, lãi suất thỏa thuận 11%/năm; phương thức trả nợ gốc được chia thành hai kỳ, mỗi kỳ là 40.000.000 đồng, trong đó ngày trả nợ gốc đầu tiên là 7-8-2016, mục đích vay để phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện và sự thừa nhận của nguyên đơn thì vợ chồng ông T, bà L mới chỉ thanh toán được tiền lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 15-4-2016 với số tiền 6.150.000 đồng; ngày 30-7-2018 thanh toán được thêm 5.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc 75.000.000 đồng còn lại đến nay chưa thanh toán, vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc vợ chồng ông T, bà L có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng số tiền số tiền 75.000.000 là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: phía nguyên đơn Ngân hàng Đông Á yêu cầu tính lãi suất trên nợ gốc cụ thể như sau: Lãi suất trong hạn của số tiền vay 80.000.000 đồng với mức 11%/năm kể từ ngày 15-4-2018 đến ngày 7-8-2016 với số tiền là 7.270.000 đồng; Lãi suất quá hạn chia làm 02 phần: đối với số tiền 40.000.000 đồng (*hạn 7-8-2016 phải thanh toán*) áp dụng lãi suất mức 16,5%/năm kể từ ngày 7-8-2016 đến ngày xét xử 18-12-2018 với số tiền: 13.218.833 đồng; đối với số tiền 40.000.000 đồng (hạn đến 7-8-2017 phải thanh toán) áp dụng lãi suất mức 16,5%/năm kể từ ngày 7-8-2017 đến ngày 30-7-2018 là 9.130.000 đồng, tiếp tục tính lãi quá hạn của khoản tiền 35.000.000 đồng kể từ ngày 30-7-2018 đến ngày xét xử 18-12-2018 là 2.261.875 đồng; Tổng tiền lãi suất ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T, bà L yêu cầu là 31.880.000 đồng. Xét yêu cầu tính lãi của ngân hàng

là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên theo hợp đồng vay vốn và đúng quy định về tính lãi suất theo quy định tại Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ buộc vợ chồng ông T, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 106.880.000 đồng. *(Trong đó gốc là 75.000.000 đồng, lãi suất là 31.880.00 đồng)*

[5] Đối với việc Ngân hàng Đ yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: N0834/HĐTC ngày 07-8-2015 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Qua xem xét thấy rằng, khi ký Hợp đồng vay vốn ngày 7-8-2015 vợ chồng ông T, bà L có thể chấp diện tích đất 5.567m² thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 09, xã H, huyện D thuộc quyền sử dụng của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, việc thế chấp được đăng ký theo đúng quy định pháp luật về đất đai nên phát sinh hiệu lực. Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 9-10-2018 thì thấy, hiện tại vợ chồng ông Nguyễn Danh H, bà Nguyễn Thị D; địa chỉ thôn 5, xã H, huyện D đang là người được vợ chồng ông T, bà L tạm giao quản lý tài sản này và vợ chồng ông H, bà D cũng đồng ý bàn giao tài sản để đảm bảo xử lý nợ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ, tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: N0834/HĐTC ngày 07-8-2015 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ; trong giai đoạn thi hành bản án, nếu phải xử lý tài sản bảo đảm là tích đất 5.567m² thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 09, xã H, huyện D tên người sử dụng vợ chồng ông T, bà L thì vợ chồng ông H, bà D có nghĩa vụ bàn giao.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Ngân hàng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Đ.

[7] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 450.000 đồng, Ngân hàng Đ đã tạm ứng và quyết toán xong. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên buộc vợ chồng ông T, bà L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Đ

Về án phí: vợ chồng ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 106.880.000 đồng phải trả cho Ngân hàng Đ. Án phí sẽ là 5% của số tiền 106.880.000 đồng *(Phần giá trị tài sản có tranh chấp)* = 5.344.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 40, Điều 277, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng về việc khởi kiện *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*.

1.2. Buộc bị đơn vợ chồng ông Đinh Đắc T, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 106.880.000 đồng. *(Trong đó gốc là 75.000.000 đồng, lãi suất là 31.880.00 đồng)*

1.3 Buộc vợ chồng ông Đinh Đắc T, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 450.000 đồng chi phí xem xét tại chỗ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự

1.4. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: N0834/HĐTC ngày 07-8-2015 đối với tài sản là diện tích đất 5.567m² thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 09, xã H, huyện D tên người sử dụng ông Đinh Đắc T, bà Phạm Thị L *(theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 724184 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 22-2-2013)* để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm nêu trên trong giai đoạn thi hành bản án, vợ chồng ông Nguyễn Danh H, bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm bàn giao tài sản để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Lâm Đồng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.573.000 đồng theo biên lai thu số 0003349 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

2.2. Buộc vợ chồng ông Đinh Đắc T, bà Phạm Thị L phải chịu 5.344.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn